

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 02 -2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Tử Diệc
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hồ Quế Thanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:**  
Không tham dự phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 433/2017/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2017/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh H, sinh năm 1969; trú tại: Số 176A/12, ấp Phước Th, xã Lộc H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1970; trú tại: Số 176A/12, ấp Phước Th, xã Lộc H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 12/ 7/ 2017 của nguyên đơn anh Trần Thanh H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Anh H và chị Lê Thị Đ tổ

chức đám cưới vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau có hai người con. Trong đời sống vợ chồng mâu thuẫn gia đình thường xuyên xảy ra, cãi nhau thậm chí là đánh nhau. Khoảng 10 năm nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị Đ thường hay đem chuyện gia đình kể với hàng xóm, bạn bè làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của anh. Vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Đ.

\* *Về con chung*: có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm Tú, sinh 24/11/1994 và Trần Minh Tiến, sinh ngày 14/5/1997, các con hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết;

\* *Tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về nợ chung*: không có, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Đ trình bày:*

Chị Đ thống nhất lời trình bày về năm cưới nhau và không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống gia đình ngày càng mâu thuẫn khi anh H không chăm lo cho vợ con, mạnh ai nấy sống và thậm chí anh có mối quan hệ khác bên ngoài. Chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đồng ý ly hôn với anh H.

*Về con chung*: có 02 con chung tên Trần Thị Cẩm Tú, sinh 24/11/1994 và Trần Minh Tiến, sinh ngày 14/5/1997, các con hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết;

*Tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung*: khai không có không yêu cầu giải quyết

Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự. Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1990 anh H và chị Đ cưới nhau trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự khai không có đăng ký kết hôn lời trình bày của các đương sự không cần phải chứng minh theo Điều 94 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hai vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhiều năm không thể hàn gắn lại được với nhau. Anh H và chị Đ thống nhất ly hôn. Tuy nhiên không có đăng ký kết hôn, theo khoản 2 Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình qui định: " Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....." do đó Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị Đ.

[2]Về con chung: có hai con chung tên Trần Thị Cẩm Tú, sinh năm 1994 và Trần Minh Tiến, sinh năm 1997. Các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[3]Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]Về nợ chung: Các đương sự khai không có do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6]Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001050 ngày 30/ 10/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### ***Áp dụng:***

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định.

#### ***Tuyên xử:***

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh H và chị Lê Thị Đ.

2.Về con chung: có hai con chung: Trần Thị Cẩm Tú, sinh năm 1994 và Trần

Minh Tiến, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001050 ngày 30/ 10/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án hôm nay.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các ds;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Tấn Phong**